

Số: 49/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **N H'** Arek, sinh năm 2001; CCCD: 0640.9100.6922

Địa chỉ: **Thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai.**

Và anh **Kpuih H**, sinh năm 1997; CMTND số: 231110858;

Địa chỉ: **Làng L, xã I, tỉnh Gia Lai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **N H'** Arek và anh **Kpuih H** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Nay là xã I, tỉnh Gia Lai)** vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, anh **H** hành hung, đánh đập chị **N H'** Arek. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Hiện tại, anh chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó, anh chị thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Gia Lai công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về con chung: Chị **N H'** Arek và anh **Kpuih H** có 02 (hai) con chung là **Niang B**, sinh ngày 09/8/2017 (nam) và **Niang L**, sinh ngày 05/10/2019 (nữ). Chị **A** và anh **H** thỏa thuận giao các cháu **Niang B** và **Niang L** cho chị **A** trực

tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục (*Phù hợp với nguyện vọng của con chung*). Anh **Kpuih H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** không yêu cầu Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** mỗi người chịu 150.000 đồng, lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003002 ngày 03 tháng 4 năm 2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** có 02 (*hai*) con chung là **Niang B**, sinh ngày 09/8/2017 (*nam*) và **Niang L**, sinh ngày 05/10/2019 (*nữ*).

Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** thoả thuận: Sau khi ly hôn giao cả con chung là 02 (*hai*) con chung là **Niang B**, sinh ngày 09/8/2017 (*nam*) và **Niang L**, sinh ngày 05/10/2019 (*nữ*) cho chị **N H' Arek** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh **Kpuih H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** không yêu cầu Tòa án công nhận.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** mỗi người chịu 150.000 đồng, lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003002 ngày 03 tháng 4 năm 2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị **N H' Arek** và anh **Kpuih H** đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND khu vực 11- Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu TA, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Trung